

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 546/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1176/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Đ**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số X đường Y, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Hoàng V**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: tổ A, ấp H, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Lâm Thị Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Lê Hoàng V vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2020, bản tự khai ngày 23 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Đ trình bày:

Bà và ông Lê Hoàng V bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/5/1999. Thời

gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng càng về sau, khoảng 10 năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V dùng lời lẽ xúc phạm danh dự của bà cũng như anh em gia đình bà, đôi lúc ông V dùng bạo lực với bà. Nhưng vì thương các con cho nên bà bỏ qua để giữ gìn gia đình trọn vẹn. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào năm 2017, ông V thường cáu gắt, xúc phạm rồi giành quyền kiểm soát tài chính gia đình, dùng lời lẽ miệt thị chà đạp danh dự của bà dẫn đến bà bị stress nặng nhưng vì con gái đang chuẩn bị thi cấp ba nên bà cố gắng nhẫn nhịn để cho con tập trung vào việc thi cử vào lớp 10. Lúc này, bà và ông V cũng sống ly thân, không còn chung sống nữa. Sau khi vợ chồng sống ly thân được một năm thì bà và hai con về nhà mẹ ruột của bà sinh sống từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng A, sinh năm 1994 (đã trưởng thành) và trẻ Lê Trà M, sinh ngày 11/6/2004. Hiện hai con đang sống cùng bà Đ. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ M; bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị Đ; Giao trẻ Lê Trà M cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Hoàng V; Bà Lâm Thị Đ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lâm Thị Đ khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Hoàng V, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Hoàng V có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lê Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông V theo quy định tại điểm a và điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Đ và ông Lê Hoàng V có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44TH/1999, quyển số 01/913 đăng ký ngày 20/5/1999 tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Đ và ông Lê Hoàng V là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Ông Lê Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông V đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Đ xác nhận thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Nhưng khoảng 10 năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V dùng lời lẽ xúc phạm danh dự của bà cũng như anh em gia đình bà, đôi lúc ông V dùng bạo lực với bà. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào năm 2017, ông V thường cáu gắt, xúc phạm rồi giành quyền kiểm soát tài chính gia đình, dùng lời lẽ miệt thị chà đạp danh dự của bà dẫn đến bà bị stress nặng nhưng vì con nên bà cố gắng nhẫn nhịn. Bà và ông V sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

[6] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Công văn số 289/UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung như sau: “... hiện tại giữa bà Lâm Thị Đ và ông Lê Hoàng V không còn chung sống với nhau và đã ly thân vào tháng 5 năm 2019. Hiện ông Lê Hoàng V đang ở tại địa chỉ: nhà không số kế nhà số B7/68 tổ 1, ấp 2A, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, giữa bà Lâm Thị Đ với ông Lê Hoàng V không có mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân...”.

[7] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[8] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[9] Căn cứ vào các quy định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà Đ và ông V có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông V thường dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà Đ dẫn đến bà Đ chịu áp lực tinh thần. Mặt khác, bà Đ và ông V đã sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà Đ và ông V đã không còn, hôn nhân đã rạn nứt, mục đích hôn nhân vì giữa vợ chồng đã không còn thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự các phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cũng chứng tỏ ông V không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà Đ và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên việc chung sống cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Do đó, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông V là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về con chung: Bà Đ xác nhận trong quá trình chung sống, bà và ông V có 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng A, sinh năm 1994 (đã trưởng thành) và trẻ Lê Trà M, sinh ngày 11/6/2004. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ M; bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[11] Tại Công văn số 289/UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A có nội dung như sau: “..Về con chung, cả hai có hai người con chung gồm: Lê Hoàng An, sinh năm 1994 (đã trưởng thành) và bé Lê Trà M, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2004. Hiện hai cháu đang ở cùng bà Lâm Thị Đ...”.

[12] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[13] Tại bản tự khai ngày 30 tháng 11 năm 2020 thể hiện ý kiến của trẻ Lê Trà M như sau: Nếu ba mẹ ly hôn thì trẻ M muốn sống với mẹ. Do ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu về con chung nên ông V đã tự từ bỏ quyền yêu cầu về con chung và quyền chứng minh điều kiện, khả năng chăm sóc con nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà Đ. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về con chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Đối với anh Lê Hoàng An, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Vì vậy, yêu cầu của bà Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lê Trà M sau khi ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Lâm Thị Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Đ được ly hôn với ông Lê Hoàng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44TH/1999, quyển số 01/913 đăng ký ngày 20/5/1999 tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Lâm Thị Đ và ông Lê Hoàng V có 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng An, sinh năm 1994 (đã trưởng thành) và trẻ Lê Trà M, sinh ngày 11/6/2004.

Giao trẻ Lê Trà M cho bà Lâm Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Hoàng V. Riêng anh Lê Hoàng An đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông Lê Hoàng V được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080377 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lâm Thị Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị Đ và ông Lê Hoàng V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- UBND phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền

